TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11-02-2026
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Thủy;

Bà Phan Thị Trang Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Kiều O, sinh năm 1978 (xin vắng).

Căn cước công dân số: 096178002736; cấp ngày 09/08/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Trương Kiều O trình bày:***

- Về hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu nên bà Trương Kiều O và ông Trịnh Văn Đ thành hôn với nhau vào năm 1996. Hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cà Mau).

Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do ông Đặng K chung thủy. Bà O có khuyên nhưng ông Đ không sửa đổi. Hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà và ông Đ không sống chung với nhau từ năm 2021 cho đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà O yêu cầu ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Trịnh Ngọc M, sinh năm 1999 (nữ) và Trịnh Văn T, sinh ngày 07/05/2010 (nam). Khi ly hôn Ngọc M1 đã trưởng thành

nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Văn T có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đối với bị đơn ông Trịnh Văn Đ:***

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông Đ không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà O. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đ vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Kiều O yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Văn Đ nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp xin ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Ông Đặng cư T1 tại ấp V, xã T, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau.

Bà Trương Kiều O có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà O là phù hợp.

Đối với ông Trịnh Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 02 tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đ.

[2]. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Bà Trương Kiều O và ông Trịnh Văn Đ kết hôn vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau vào ngày 02 tháng 11 năm 2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60 (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cà Mau). Do đó hôn nhân giữa bà O và ông Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Bà O yêu cầu ly hôn với ông Đ vì ông Đ không chung thủy trong vấn đề tình cảm, mỗi người có cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa bà O và ông Đ đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, bởi lẽ Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải để hàn gắn hôn nhân nhưng ông Đ vẫn không tham gia, chứng tỏ ông Đ không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với bà O. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Kiều O đối với ông Trịnh Văn Đ theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Trịnh Ngọc M, sinh năm 1999 (nữ) và Trịnh Văn T, sinh ngày 07/05/2010 (nam). Khi ly hôn Ngọc M1 đã trưởng thành nên bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T có nguyện vọng sống

chung với bà O. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi bà O và ông Đ không sống chung với nhau từ năm 2021 đến nay thì cháu T có cuộc sống ổn định bên bà O nên Hội đồng xét xử giao cháu Trịnh Văn T cho bà O tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch nguyên đơn phải chịu, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí được khấu trừ, án phí nguyên đơn đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trương Kiều O. Cho bà Trương Kiều O được ly hôn ông Trịnh Văn Đ.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Trịnh Ngọc M, sinh năm 1999 (nữ) và Trịnh Văn T, sinh ngày 07/05/2010 (nam). Đối với Trịnh Ngọc M1 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Giao con chung tên Trịnh Văn T, sinh ngày 07/05/2010 (nam) cho bà Trương Kiều O tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng bà Trương Kiều O phải chịu, bà O có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001309 ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đối trừ, án phí hôn nhân bà Trương Kiều O đã nộp đủ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 5 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 5 – Cà Mau;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Tam Giang;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

Trương Thị Hồng Ngân